

ban Dân số - Kế hoạch hoá gia đình và Ban Chỉ đạo cuộc vận động ở các huyện, thành, thị xã, các cơ quan, xí nghiệp, nhà máy; đồng thời đầu tư kinh phí phục vụ cho các hoạt động dịch vụ sinh đẻ có kế hoạch. Tỉnh uỷ xác định kết quả thực hiện công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình là một tiêu chí đánh giá chất lượng tổ chức Đảng và phân loại chất lượng đảng viên; kỷ luật nghiêm những đảng viên vi phạm chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình. Nhờ vậy, tốc độ tăng dân số tự nhiên giảm từ 2,22% năm 1985, xuống còn 1,96% năm 1990. Song, công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình vẫn còn hạn chế trong nhận thức, tư tưởng “trọng nam khinh nữ”, “giàu con hơn giàu của”, “trời sinh voi trời sinh cỏ”,... do đó tốc độ tăng dân số vẫn còn cao, nhất là ở vùng nông thôn có đạo, gây sức ép lớn về đời sống và việc làm.

Cùng với lãnh đạo mở rộng các ngành nghề thủ công làm hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu để giải quyết việc làm cho người lao động, ngày 24-02-1986, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 36-NQ/TU *Về phân bổ lao động và dân cư*. Nghị quyết yêu cầu, từ năm (1986-1990) tập trung sức của toàn Đảng bộ và nhân dân, khai thác tốt tiềm năng lao động và đất đai trong tỉnh. Phân bổ một lực lượng lớn lao động và nhân dân đi xây dựng các vùng kinh tế mới trong và ngoài tỉnh. Đảm bảo mọi người lao động có việc làm. Thực hiện Nghị quyết 36 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, trong 5 năm (1986-1990), toàn tỉnh giải quyết việc làm cho 5 vạn lao động, trong đó có gần 3 vạn lao động đi xây dựng các vùng kinh tế mới ở tỉnh Đắk Lắk,

Gia Lai, Kon Tum và Quảng Ninh. Tuy nhiên, do địa bàn khó khăn, nên việc đưa dân đi xây dựng vùng kinh tế mới không đạt kế hoạch. Nhiều lao động trong các xí nghiệp không có việc làm, dẫn đến phát sinh nhiều tiêu cực, nhất là các tệ nạn trong thanh niên.

*Sự nghiệp văn hoá - xã hội phát triển phù hợp với cơ chế mới.* Thực hiện chủ trương của Đảng về giáo dục, ngày 24-01-1986, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 34-NQ/TU *Về công tác nuôi dạy trẻ và giáo dục phổ thông trong 5 năm (1986-1990)*. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đề ra mục tiêu phấn đấu từ năm 1986 đến năm 1990: ổn định củng cố các nhà trẻ, phấn đấu 90% các cháu 5 tuổi đến lớp mẫu giáo. Hoàn thành có chất lượng công tác phổ cập cấp I vào năm 1986; củng cố các trường phổ thông trung học vừa học vừa làm. Nghiên cứu chọn một trường phổ thông trung học hoặc vài lớp của một trường có điều kiện chuyển theo hướng học phổ thông trung học có dạy nghề. Củng cố các trường sư phạm hiện có, ưu tiên đầu tư kinh phí, kiện toàn đội ngũ giáo viên. Cần có chính sách cụ thể để chọn nhiều học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu.

Thực hiện Nghị quyết số 34 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, nội dung giáo dục được đổi mới, gắn kiến thức cơ bản với thực tiễn. Năm học 1986-1987, số học sinh đến trường đạt chỉ tiêu kế hoạch: Mẫu giáo đạt 103%; phổ thông cơ sở đạt 97,5%; phổ thông trung học đạt 103,4%; bổ túc văn hoá đạt 88%. Huyện Bình Lục hoàn thành phổ cập cấp I. Chất lượng dạy và học của các trường được nâng lên một bước. Số học sinh lớp chuyên, học sinh đạt giải trong các

kỳ thi quốc gia ngày một tăng. Toàn tỉnh có gần 1.000 giáo viên đạt danh hiệu “Giáo viên dạy giỏi” cấp trường, cấp huyện. Hà Nam Ninh là tỉnh đứng đầu cả nước về phát triển giáo dục. Điển hình về phong trào thi đua “Hai tốt” là trường Trung học cơ sở Bắc Lý. Ghi nhận những thành tích xuất sắc của thầy và trò trong giảng dạy và học tập, Đảng và Chính phủ đã tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý: Huân chương Lao động hạng Nhất năm 1986; Huân chương Độc lập hạng Ba năm 1987; trường được đón nhiều địa phương, trường học trong cả nước về học tập, trao đổi kinh nghiệm và được đón nhiều đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước về thăm, nghiên cứu để nhân rộng trong toàn quốc.

Tuy nhiên, do ảnh hưởng của cơ chế thị trường, chất lượng giáo dục toàn diện có chiều hướng giảm sút, nhất là chất lượng đạo đức. Để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, ngày 01-11-1988, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tiếp tục ra Nghị quyết số 19-NQ/TU *Về công tác giáo dục từ nay đến năm 1990*. Quán triệt chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, từ năm 1988 đến năm 1990, ngành giáo dục tập trung vào nhiệm vụ củng cố và từng bước phát triển sự nghiệp giáo dục cho phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương. Sở Giáo dục - Đào tạo từng bước tiến hành đổi mới công tác đào tạo, xây dựng lại danh mục ngành nghề, cơ cấu ngành học của các trường chuyên nghiệp, quy hoạch mạng lưới trường lớp, mở rộng giáo dục phổ thông, đa dạng hoá các loại hình đào tạo. Hệ thống giáo dục trung học chuyên nghiệp, cao đẳng cũng không ngừng

tăng về số lượng sinh viên và chất lượng đào tạo. Với cơ chế “Nhà nước và nhân dân cùng làm” nhiều địa phương đã xây dựng được trường lớp kiên cố cao tầng, mua sắm trang thiết bị dạy học. Đến năm 1990, toàn tỉnh có 90% huyện, thị hoàn thành phổ cập cấp I. Năm học 1987-1988, Trường phổ thông trung học Biên Hoà, thị xã Hà Nam được Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng II. Năm 1990, ngành giáo dục thị xã Hà Nam được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh tặng cờ “đơn vị đạt tiêu chuẩn phổ cập cấp I và xoá mù chữ”. Công tác giáo dục - đào tạo góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho quê hương, đất nước.

Tuy vậy, tình trạng học sinh bỏ học vẫn còn cao, nhất là ở nông thôn. Cơ sở vật chất trường lớp chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục. Số giáo viên trung học cơ sở và phổ thông trung học dôi dư chưa được sắp xếp hợp lý. Một số chế độ đối với giáo viên mẫu giáo, mầm non chưa được cơ sở thực hiện nghiêm túc. Chất lượng đạo đức của học sinh có chiều hướng suy giảm.

Ngày 26-10-1987, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 11-NQ/TU Về một số chính sách khoa học - kỹ thuật để thực hiện 4 chương trình kinh tế - xã hội của tỉnh năm (1987-1990). Thực hiện Nghị quyết 11 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng và chính quyền đối với khoa học - kỹ thuật và công nghệ được chú trọng. Nhiều ngành và địa phương đẩy mạnh việc phổ biến những tiến bộ kỹ thuật và hướng dẫn người dân ứng dụng vào sản xuất và đời sống. Gắn chặt

việc đổi mới cơ chế quản lý khoa học - kỹ thuật với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và văn hoá nhằm làm cho khoa học - kỹ thuật thực sự là động lực thúc đẩy các lĩnh vực đời sống, an ninh - quốc phòng, văn hoá - xã hội. Không ngừng đổi mới kỹ thuật, cải tiến quy trình công nghệ, khai thác mọi tiềm năng của địa phương để tạo ra nhiều sản phẩm mới, ngành nghề truyền thống có giá trị kinh tế cao. Cán bộ khoa học - kỹ thuật có năng lực được quan tâm bồi dưỡng và bố trí, sử dụng hợp lý.

Công tác y tế, dân số - kế hoạch hoá gia đình và bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em có nhiều tiến bộ. Mạng lưới y tế từ tỉnh đến cơ sở được củng cố, tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật, từng bước đáp ứng nhu cầu khám và chữa bệnh của nhân dân. Nhiều huyện đã thực hiện tốt chương trình chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân. Chương trình tiêm chủng mở rộng đạt kết quả, 6 bệnh dịch ở trẻ em giảm rõ rệt. Ngành y tế sắp xếp lại lực lượng cán bộ, tăng cường, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ y, bác sĩ, y tá, hộ lý; đồng thời đẩy mạnh công tác phòng, chống dịch bệnh. Tuy nhiên, ngân sách dành cho sự nghiệp y tế còn hạn chế, nhiều cơ sở điều trị xuống cấp, chất lượng khám, chữa bệnh chậm được nâng cao. Do tác động của cơ chế thị trường, một số thầy thuốc và nhân viên y tế chưa yên tâm công tác, thiếu tinh thần trách nhiệm, gây phiền hà và tiêu cực trong việc khám, chữa bệnh cho nhân dân. Để nâng cao chất lượng y tế lên một bước mới, ngày 09-02-1990, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 24-NQ/TU Về công tác y tế năm 1990-1991.

Công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình được Đảng bộ chú trọng. Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh tiến hành củng cố hoạt động của Uỷ ban Dân số - Kế hoạch hoá gia đình và Ban Chỉ đạo cuộc vận động ở các huyện, thành, thị xã, các cơ quan, công trường, xí nghiệp; đồng thời đầu tư kinh phí phục vụ cho các hoạt động dịch vụ sinh đẻ có kế hoạch. Nhờ vậy, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm từ 1,99% năm 1986 xuống còn 1,96% năm 1990.

Công tác chăm sóc, giáo dục trẻ em được các cấp uỷ Đảng, chính quyền thường xuyên quan tâm. Ngày 02-5-1986, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị số 43-CT/TU *Về việc đẩy mạnh cuộc vận động toàn dân thi hành Pháp lệnh Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em*. Quán triệt Chỉ thị số 43 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, các cấp uỷ chỉ đạo chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân chăm lo, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của trẻ em, như: quyền được đi học, vui chơi, bảo vệ sức khoẻ; đồng thời phối hợp giáo dục, cảm hoá thiếu niên hư trở về với gia đình. Qua đó, số thiếu niên hư, mắc phải các tệ nạn giảm rõ rệt.

Thực hiện Nghị quyết số 05 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 21 của Ban Bí thư Trung ương Đảng *Về văn hoá - văn nghệ*, ngày 09-6-1988, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 17-NQ/TU *Về văn hóa - văn nghệ*. Hoạt động văn hoá - thông tin có nhiều cố gắng, bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, đóng góp quan trọng vào việc tuyên truyền đường lối đổi mới, giữ vững ổn định chính trị, xã hội trước

những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng. Phong trào văn nghệ quần chúng, nhất là ca hát tập thể, hội diễn nghệ thuật quần chúng phát triển đã động viên tinh thần yêu quê hương, đất nước, tinh thần hăng say lao động sản xuất của nhân dân. Đặc biệt, sau khi Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ban hành Thông tri số 18-TTr/TU, ngày 08-9-1988 *Về việc mở đợt sinh hoạt chính trị “gia đình cách mạng gương mẫu, người công dân kiểu mẫu”*, các địa phương đẩy mạnh hoạt động thông tin cổ động, phong trào xây dựng nếp sống mới, người công dân kiểu mẫu. Phong trào đọc sách báo, hoạt động các câu lạc bộ, nhà văn hoá được tăng cường. Thông qua các hoạt động văn hoá, đời sống tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt. Đồng thời tích cực đấu tranh ngăn chặn việc truyền bá văn hoá phẩm có nội dung độc hại. Tuy vậy, mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân còn có sự chênh lệch đáng kể giữa thành thị và nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa.

Về chính sách xã hội, tỉnh Hà Nam Ninh có khoảng 10% dân số hưởng chính sách thương binh - xã hội. Để thực hiện tốt chính sách này, ngày 11-3-1986, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị số 36-CT/TU *Về việc tăng cường lãnh đạo thực hiện tốt chính sách thương binh - xã hội*. Mặc dù còn nhiều khó khăn, các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh đã cố gắng chăm lo cho các đối tượng chính sách. Nhiều địa phương, đơn vị đã quan tâm giải quyết việc làm, xây dựng quỹ bảo trợ xã hội, trợ cấp cho các gia đình thương binh, liệt sĩ, người có công với cách

mạng... khi gặp khó khăn. Phong trào xây nhà tình nghĩa, tặng sổ tiết kiệm thành phong trào rộng khắp trên địa bàn tỉnh. Lương và trợ cấp xã hội của các đối tượng chính sách được quan tâm giải quyết kịp thời.

Qua 5 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986-1990), Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đạt được kết quả quan trọng trên nhiều lĩnh vực. Kinh tế của tỉnh có bước chuyển biến tích cực. Văn hoá, xã hội có nhiều khởi sắc. Đời sống nhân dân ổn định, có mặt được cải thiện, một bộ phận nông dân có dự trữ lương thực. Ở thành thị và nông thôn nhiều gia đình xây nhà mới và mua sắm tiện nghi sinh hoạt hiện đại. Tỷ lệ hộ khá tăng 18%, hộ nghèo giảm 36%. Một bộ phận nhân dân sản xuất kinh doanh giỏi có thu nhập hàng chục triệu đồng/năm.

Tuy vậy, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh cũng như cả nước chưa thoát khỏi khủng hoảng. Tình hình quốc tế và khu vực có những biến động lớn, tác động làm cho tình hình đất nước thêm khó khăn, phức tạp. Cơ cấu kinh tế của tỉnh chuyển dịch chậm, tỷ trọng công nghiệp trong tổng sản phẩm xã hội còn thấp; tiềm năng, thế mạnh về nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chưa khai thác có hiệu quả, một số ngành nghề truyền thống bị mai một. Kinh tế quốc doanh hoạt động yếu, hiệu quả thấp<sup>(1)</sup>, chưa thực hiện tốt vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể giảm sút; kinh tế tư nhân phát triển nhưng còn manh mún, nhỏ bé.

---

(1). Kinh tế quốc doanh năm 1985 chiếm tỷ trọng 14,1% tổng sản phẩm xã hội và 8,3% thu nhập quốc dân nhưng đến năm 1990 chỉ còn 11,5% và 6,8%.